TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS-PT
Ngày: 04 -8 -2022
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên
Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2022/QĐPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Thạch R, sinh năm 1955;
Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Thạch R., sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đặng Văn C- Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Kim Sa M, sinh năm 1960;
Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (chết ngày 05/7/2022).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụn của ông Kim Sa M:
1. Bà Tô Thị H, sinh năm 1967 (có mặt);
2. Anh Kim Sa B, sinh năm 1990 (có mặt);
3. Chị Kim Thị S, sinh năm 1988 (vắng mặt);
4. Chị Kim Thị Sa N, sinh năm 1985 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Thạch Thị V, sinh năm 1955 (vợ ông R, có đơn xin vắng mặt);
2. Anh Thạch R., sinh năm 1973 (Con ông R, có mặt);
3. Anh Thạch S, sinh năm 1978 (Con ông R, có mặt);
4. Anh Thạch T, sinh năm 1983 (Con ông R, có đơn xin vắng mặt);

5. Anh Thạch P, sinh năm 1981 (Con ông R, có đơn xin vắng mặt);

6. Anh Thạch C, sinh năm 1987 (con ông R, có đơn xin vắng mặt);

7. Anh Thạch M, sinh năm 1990 (con ông R, có đơn xin vắng mặt);

8. Anh Thạch R, sinh năm 1993 (con ông R, vắng mặt).

9. Bà Tô Thị H, sinh năm 1967 (vợ ông Mích, có mặt);

10. Anh Kim Sa B, sinh năm 1990 (con ông Mích, có mặt);

Người đại diện hợp pháp của bà Tô Thị H, anh Kim Sa B: ông Đinh Thanh B, sinh năm: 1984. Địa chỉ ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

11. Chị Kim Thị S, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt);

12. Chị Kim Thị Sa N, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt);

13. Ông Thạch T, sinh năm 1966 (Có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

14. Bà Thạch Thị H, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

15. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh; Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Người đại diện: ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Chủ tịch (Có đơn xin vắng mặt);

16.Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh(Có đơn xin vắng mặt).

17. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh huyện T (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người phiên dịch tiếng Khmer*: Ông Thạch H– Công tác tại: Bảo tàng tổng hợp tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo*: ông Thạch R là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ông Thạch R có sử dụng thửa đất 223, diện tích 1.080m^2, tờ bản đồ số 01, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Thạch R đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sử dụng liền kề thửa đất của ông R là thửa đất số 163 của ông Sa M, nguồn gốc thửa đất của ông Mlà của ông Thạch C (đã chết), chuyển nhượng cho ông Mích, còn chuyển nhượng đất năm nào thì ông R không biết. Ông R và ông Msử dụng hai thửa đất không có vật gì xác định ranh. Trong thời gian sử dụng đất ông Sa M có xây dựng hàng rào, láng sân đal qua đất của ông R, thời điểm xây dựng ông M không có mời ông R ra để hai bên xác định lại ranh đất cho cụ thể. Ông R biết đất của mình do ông Sa M đã tạo lập các tài sản sử dụng, do lối xóm, ông R cũng không muốn xích mích, nên không có khởi kiện ông Mtại thời điểm này.

Theo kết quả đo đạc thì ông Sa M lấn chiếm diện tích 75,8m^2 (phần B) thuộc thửa 223, tờ bản đồ số 1; tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh xây dựng hàng rào và láng sân đal.

Đối với diện tích 37m^2 (phần A) là của Bờ Kênh công cộng ông R không tranh chấp, sau này ông Sa M trả lại đất tranh chấp thì ông R sử dụng luôn cho tiện, khi nào Nhà nước có nhu cầu sử dụng ông R đồng ý trả lại, không yêu cầu

bồi thường.

Đối với diện tích 1,6m^2 (phần C), thuộc thửa 163 là của ông Sa M, ông R không tranh chấp.

Ông R có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Sa M bồi thường thiệt hại do không được sử dụng diện tích đất 75,8m^2 từ năm 2000 cho đến năm 2021, mỗi năm bằng 2.500.000 đồng.

Nay ông Thạch R yêu cầu:

1. Buộc ông Kim Sa M di dời các tài sản trả lại diện tích 75,8m^2 thuộc thửa 223, tờ bản đồ số 1 cho ông R sử dụng, ông R không đồng ý hỗ trợ tiền di dời các tài sản cho ông Sa M.

2. Ông R yêu cầu ông Sa M bồi thường thiệt hại do không được sử dụng đất tính từ năm 2000 đến năm 2021 là 21 năm bằng 52.000.000 đồng.

3. Yêu cầu phản tố của ông Kim Sa M, ông Thạch R không đồng ý.

Tại đơn phản tố trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa phía bị đơn ông Kim Sa M trình bày:

Ông có sử dụng thửa đất 163, diện tích 3.761,2m^2, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nguồn gốc thửa đất 163 là của ông Thạch C (đã chết), năm 1990 ông nhận chuyển nhượng của ông Thạch C 01 miếng đất không có đo đạc nên không nhớ diện tích, đến năm 1991 ông tiếp tục chuyển nhượng của ông Thạch C 01 miếng đất liền kề diện tích đất chuyển nhượng lần trước, không có đo đạc, hai lần chuyển nhượng đất có làm giấy tay với ông C, chưa làm thủ tục sang tên tách thửa, thời điểm ông C giao đất cho ông sử dụng, bên phía ông R ông với ông C có mời ông R ra chỉ ranh, nhưng ông R không ra, ông sử dụng vị trí đất đúng như ông C sử dụng ngày xưa. Sau này ông làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất có tổng diện tích 3.761,2m^2, thửa 163, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đại Trường, xã Phú Cần do ông đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng đất liên tục từ năm chuyển nhượng cho đến nay.

Sử dụng giáp ranh với thửa đất của ông là thửa đất 223 của ông Thạch R, giữa ông với ông R sử dụng đất từ trước đến nay không có tranh chấp.

Năm 2005 ông xây dựng hàng rào, lúc tiến hành xây dựng ông cũng có mời ông R ra chỉ ranh hai bên thống nhất ranh rồi ông xây dựng hàng rào ngay ranh đất sử dụng đến nay, không có lập biên bản về việc xác định ranh đất của hai bên, đến năm 2019 ông R tranh chấp ranh đất với ông đến nay.

Qua kết quả đo đạc của chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất:

- Diện tích đất 75,8m^2 (phần B) thuộc thửa 223, tờ bản đồ số 1 của ông Thạch R.

- Diện tích đất 37m^2 (phần A) thuộc Bờ kênh công cộng, ông bắt cầu bê tông qua lộ, ông không có tranh chấp, sau này Nhà nước có nhu cầu sử dụng ông đồng ý trả lại không có yêu cầu bồi thường.

- Diện tích 1,6m^2 (phần C) thuộc thửa 163, TBĐ số 1 là của ông.

Nay ông Sa M yêu cầu công nhận diện tích đất 75,8m^2 (Phần B) thuộc thửa 223, TBĐ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Thạch R đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông được tiếp tục sử dụng, ông đồng ý hỗ trợ giá trị đất cho ông Thạch R bằng 35.000.000 đồng. Ông không đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Thạch R bằng 52.000.000 đồng.

Ý kiến của bà Tô Thị H trình bày: Bà là vợ của ông Kim Sa M, qua ý kiến và yêu cầu của ông Sa M bà thống nhất không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của anh Kim Sa B, chị Kim Thị Sa N và chị Kim Thị S trình bày: Anh chị là con ruột của ông Kim Sa M, qua ý kiến và yêu cầu của ông Sa M thì anh, chị thống nhất không trình bày gì thêm.

Ý kiến của bà Thạch Thị V trình bày: Bà là vợ của ông Thạch R, thửa đất 223 là của vợ chồng bà, bà thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông Thạch R, không trình bày bổ sung thêm.

Ý kiến của anh Thạch R., anh Thạch S, anh Thạch T, anh Thạch P, anh Thạch C, anh Thạch M, anh Thạch R cùng trình bày: Các anh là con ruột của ông Thạch R, các anh thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông Thạch R.

Ý kiến của ông Thạch T và bà Thạch Thị H cùng trình bày: Ông, bà là con của bà Thạch Thị Bọ. Ông, bà không có yêu cầu gì về thửa đất 223 của ông Thạch R, để mọi người tự giải quyết.

Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, tại công văn số 3755/UBND-NC ngày 31/12/2020, Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần có ý kiến như sau: Diện tích đất 37m^2 thuộc Bờ Kênh công cộng, phục vụ sản xuất của các hộ dân tại khu vực này, đề nghị Tòa án không công nhận cho các đương sự, giao Ủy ban nhân dân xã Phú Cần tiếp tục quản lý.

Ủy ban nhân dân xã Phú Cần có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt và có ý kiến như sau: Đối với diện tích 37m^2 là phần đất thuộc bờ Kênh công cộng, tọa lạc tại ấp Đại Trường, xã Phú Cần do Ủy ban xã đang quản lý không có giao cho hộ dân nào sử dụng, do các đương sự không tranh chấp nên Ủy ban nhân dân xã không có yêu cầu giải quyết.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tiểu Cần vắng mặt và có ý kiến như sau: Việc thế chấp thửa đất 163 của ông Kim Sa M tại Ngân hàng là đúng quy định và nợ vay chưa đến hạn thanh toán, các bên tranh chấp không ảnh hưởng đến hợp đồng thế chấp, nên Ngân hàng không tham gia khởi kiện và xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST, ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần đã xử:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 157, 165 228, 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993 và các Điều 4, 17, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thạch R.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Kim Sa M.

3. Công nhận cho ông Kim Sa M được tiếp tục sử dụng diện tích 75,8m^2 (Phần B, trong đó HLATĐB là 75,5m^2) thuộc thửa 223, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Thạch R đứng tên trong giấy chứng quyền sử dụng đất, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp Kinh có số đo 17,7m;
- Hướng Tây giáp thửa 163 có số đo 16,70m;
- Hướng Nam giáp thửa 223 có số đo 9,6m;
- Hướng Bắc giáp kênh điểm 0 (không có số đo);

(Có photo sơ đồ khu đất kèm theo).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kim Sa M đồng ý hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất cho ông Thạch R bằng 35.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Thạch R đối với ông Kim Sa M với số tiền bằng 52.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/7/2022 ông Thạch R kháng cáo yêu cầu ông Kim Sa M di dời tài sản trả lại diện tích 75,8m^2 thuộc thửa 223, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Luật sư Đặng Văn C bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông Thạch R: Diện tích 75,8m^2 của ông Thạch R, khi ông Sa M làm hàng rào ông R không đồng ý, ông Sa M đòi báo cho ông Thạch C lấy lại đất của ông Thạch R nên ông R không có ngăn cản. Hiện nay ngoài phần đất tranh chấp ông Sa M còn có diện tích hơn 3.000m^2 có lối đi ra quốc lộ 54. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch R sửa án sơ thẩm. Buộc ông Kim Sa M di dời tài sản giao trả đất cho ông Thạch R.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Thạch R là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng;

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Kim Sa M chết nên Tòa án cấp phúc thẩm đưa vợ, con của ông Sa M là bà Tô Thị H, sinh năm 1967 (vợ ông Mích), Anh Kim Sa B, sinh năm 1990 (con ông Mích,); Chị Kim Thị S, sinh năm 1988 (Con ông

Mích); Chị Kim Thị Sa N, sinh năm 1985 (con ông Mích) tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Kim Sa M.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Thạch R yêu cầu ông Kim Sa M phải di dời tài sản trả lại diện tích 75,8m^2 thuộc thửa số 223 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Đất của ông Thạch R thuộc thửa đất số 223 diện tích 1.080 m^2 được Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần cấp cho hộ ông Thạch R ngày 26/9/1996. Hướng nam thửa đất số 223 có một phần giáp ranh với thửa đất số 216 diện tích 3.590m^2 của hộ Kim Sa M được Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần cấp quyền sử dụng ngày 07/5/1997; Ngày 15/8/2017 cấp đổi giấy lại cho ông Kim Sa M là thửa 163 diện tích 3.761,2 m^2 theo tư liệu năm 2006.

Theo kết quả cung cấp kết quả khảo sát đo đạc số 788/CNHTC ngày 24/8/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần diện tích tranh chấp là 114,4 m^2. Trong đó thuộc bờ kênh công cộng 37m^2, 75,8 m^2 thuộc thửa 223; diện tích 1,6 m^2 thuộc thửa 163; phần còn lại của thửa số 163 diện tích 3.759,6m^2, phần còn lại thửa 223 diện tích 1.172 m^2.

Do hai thửa đất giáp ranh không có cậm trụ ranh trong quá trình sử dụng ông Sa M có làm sân đanl làm hàng rào cột bê tông cốt thép, xây tường lững và lưới B40 trên diện tích 75,8 m^2 thuộc thửa 223 của ông Thạch R. Diện tích đất này ông Sa M sử dụng trên 20 năm bên ông R không có khiếu nại hay tranh chấp.

Theo kết quả định giá tài sản của ông Sa M xây dựng bằng 28.322.000 đồng. Giá trị diện tích đất tranh chấp 12.507.000 đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Kim Sa M đồng ý thanh tóan giá trị đất cho ông Thạch R bằng 35.000.000 đồng. Giá trị tài sản của ông Sa M cao hơn giá trị đất, bên ông Sa M sử dụng ổn định hơn 20 năm. Tòa án cấp sơ thẩm không tranh chấp yêu cầu của ông R buộc ông Sa M di dời tài sản là có cân nhắc xem xét điều kiện sử dụng đất của các bên nên yêu cầu kháng cáo của ông Thạch R không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Ý kiến của vị Luật sư đề nghị sửa án sơ thẩm bộc ông Kim Sa M di dời tài sản trả đất cho ông Thạch R, Hội đồng xét xử có xem xét nhưng không có cơ sở để chấp nhận; ý kiến của kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Ông Thạch R là người cao tuổi có yêu cầu xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên chấp nhận miễn án phí phúc thẩm cho

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100, 166, 203 Luật đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch R.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Công nhận cho hộ gia đình ông Kim Sa M được tiếp tục sử dụng diện tích 75,8m^2 (trong đó HLATĐB là 75,5m^2) thuộc thửa 223, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp Kinh có số đo 17,7m;
- Hướng Tây giáp thửa 163 có số đo 16,70m;
- Hướng Nam giáp thửa 223 có số đo 9,6m;
- Hướng Bắc giáp kênh điểm 0 (không có số đo);

(Là phần B của sơ đồ khu đất kèm theo).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kim Sa M đồng ý hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất cho ông Thạch R bằng 35.000.000 đồng.

Ông Kim Sa M chết nên những người thừa kế tài sản của ông Kim Sa M thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo điều 615 Bộ luật Dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

4. Về án phí: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Thạch R.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung